

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Lợi.

Bà Huỳnh Thị Thùy Linh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 396/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: A ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: H C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2024).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 5 L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 5 L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông D có mặt, ông T, bà P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2024 của ông Nguyễn Đăng K và các lời trình bày của ông Nguyễn Tuấn D là người đại diện theo ủy quyền của ông K có nội dung:

Ngày 25/4/2024, ông Nguyễn Quốc T có mượn ông Nguyễn Đăng K số tiền 50.000.000đ, hẹn trong thời hạn 02 tháng trả, mục đích vay tiền là để chăn nuôi, không có lãi suất vay. Do là chỗ quen biết nên ông K đã cho ông T mượn số tiền trên. Đến ngày 25/6/2024 là ngày đến hạn trả tiền nhưng ông T không thực hiện việc trả tiền. Ông K nhiều lần liên lạc với ông T yêu cầu trả tiền nhưng ông T liên tục trốn tránh. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông T cùng vợ là bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông K số tiền gốc mượn là 50.000.000đ và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 25/6/2024 đến ngày 25/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng là 830.000đ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn D đại diện ông Nguyễn Đăng K đề nghị thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung là không yêu cầu bà Nguyễn Thị P cùng có trách nhiệm liên đới với ông Nguyễn Quốc T trả số tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh. Ông D xác định chỉ yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho ông K số tiền gốc vay là 50.000.000đ và chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả từ ngày 25/6/2024 đến ngày 25/8/2024 là 830.000đ, tổng cộng là 50.830.000đ.

Bị đơn, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T, bà P không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Phiên tòa hôm nay, ông T, bà P cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng K là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Đăng K khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Quốc T có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn là ông Nguyễn Quốc T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông T, bà P đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T, bà P không chấp hành nên việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Nguyễn Tuấn D thì vào ngày 25/4/2024 ông Nguyễn Đăng K có cho ông Nguyễn Quốc T vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn trả là 02 tháng, mục đích vay tiền là để chăn nuôi, không có lãi suất vay. Sau khi hết thời hạn cho vay là ngày 25/6/2024, ông K đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T vẫn chưa trả cho ông K số tiền trên nên ông K mới khởi kiện ông T tại Tòa án. Kèm theo lời trình bày của mình, ông K cung cấp cho Tòa án 01 “Hợp đồng mượn tiền” ngày 25/4/2024 có chữ ký và chữ viết tên ông Nguyễn Quốc T. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung “Hợp đồng mượn tiền” ngày 25/4/2024 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Quốc T thì đủ cơ sở để xác định ông T có vay ông K số tiền là 50.000.000đ, không có lãi suất cho vay. Ông T được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc ông K khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền đã vay nhưng ông T không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc ông K khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền gốc vay 50.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền vay: tại phiên tòa, ông D đại diện ông K chỉ yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả tiền cho ông K, không yêu cầu bà Nguyễn Thị P là vợ của ông T cùng có trách nhiệm trả tiền cho ông K. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí của đương sự nên ghi nhận, không buộc bà P phải có trách nhiệm trả tiền cho ông K.

[5] Về lãi suất cho vay: ông K khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền gốc vay, không yêu cầu tính lãi suất trong thời hạn vay nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với lãi suất chậm trả, do ông T không trả tiền đúng thời hạn cam kết là ngày 25/6/2024 làm phát sinh tiền lãi chậm trả nên việc ông K yêu cầu ông T phải trả thêm tiền lãi cho thời gian chậm trả là có căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do ông K và ông T không có thỏa thuận lãi suất cho vay nên việc ông K yêu cầu ông T trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, ông K chỉ yêu cầu ông T phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2024 đến ngày 25/8/2024 là ý chí của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, số tiền lãi chậm trả được tính cụ thể như sau: $50.000.000đ \times 10\%/năm \times 02 \text{ tháng} = 830.000đ$.

Như vậy, ông T phải trả cho ông K số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi suất chậm trả phát sinh từ ngày 25/6/2024 đến ngày 25/8/2024 là 830.000đ, tổng cộng là 50.830.000đ.

[6] Về phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Đăng K yêu cầu ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ trả tiền vay, ông T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T trả cho ông K số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.541.500đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Đăng K không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng K về việc yêu cầu ông Nguyễn Quốc T trả cho ông số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 830.000đ, tổng cộng là 50.830.000đ.

Buộc ông Nguyễn Quốc T trả cho ông Nguyễn Đăng K số tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 830.000đ, tổng cộng là 50.830.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Quốc T phải chịu 2.541.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đăng K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.270.750đ theo biên lai thu số 0000793 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh